TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐIỆN BÀN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 31/2019/DS-ST.
Ngày: 28/5/2019
V/v Chia tài sản thuộc sở hữu chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Lan

2. Bà Lương Thị Kim Anh

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hoàng Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn tham gia phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 47/2018/TLST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2018 về việc "Chia tài sản thuộc sở hữu chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2019/QĐXX-DS ngày 03 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Đồng nguyên đơn: Bà Hà Thị C Sinh năm 1970

Ông Phan Xuân C2 Sinh năm: 1991

Ông Phan Hà Thanh H; Sinh năm: 1993

Cùng địa chỉ: khối P, phường Điện A, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Ông Phan Xuân C2, Phan Hà Thanh H ủy quyền cho bà Hà Thị C tham gia tố tụng (văn bản uỷ quyền ngày 04/5/2018) (có mặt)

- Bị đơn: Ông Phan Xuân E Sinh năm 1922 (có mặt)

Địa chỉ: khối P, phường Điện A, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Phan Thị C1 Sinh năm 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn B, xã Điện M, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

Ông Lê Đình P Sinh năm: 1971 (vắng mặt)

Bà Phan Thị X Sinh năm: 1950 (vắng mặt)

Bà Phan Thị T Sinh năm: 1967 (vắng mặt)

Địa chỉ: khối P, phường Điện A, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04/5/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn khác (ông Phan Xuân C2 và ông Phan Hà Thanh H), bà Hà Thị C trình bày:

Vào năm 1991, bà và ông Phan Xuân T1 kết hôn với nhau và có 02 con chung là Phan Xuân C2 và Phan Hà Thanh H. Từ ngày về chung sống với gia đình chồng (ông Phan Xuân E chủ hộ), bà C đã chuyển khẩu về sống tại khối P, phường Điện A. Khi Nhà nước có chủ trương giao đất nông nghiệp cho nhân dân quản lý, canh tác thì chồng bà là ông Phan Xuân T1 đi bộ đội không có khẩu tại địa phương, mẹ con bà ở nhà cũng được cấp đất canh tác để làm ăn.

Trong thời gian chung sống với ông T1 có nhiều mâu thuẫn nên vợ chồng đã ly hôn vào năm 2017. Tuy nhiên, cha chồng bà là ông Phan Xuân E không giao đất nông nghiệp cho bà canh tác nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của hộ gia đình gồm các thửa đất sau theo quy định của pháp luật: thửa đất số 21, tờ bản đồ số 3, có diện tích 465m^2, mục đích sử dụng đất lúa; thửa đất số 30, tờ bản đồ số 3, diện tích 252m^2, mục đích sử dụng đất lúa; thửa đất số 110/2, tờ bản đồ số 3, diện tích 404m^2, mục đích sử dụng đất lúa; thửa đất số 25, tờ bản đồ số 2, diện tích 701m^2, mục đích sử dụng đất lúa; thửa đất số 23/2, tờ bản đồ số 2, diện tích 700m^2, mục đích sử dụng đất lúa; thửa đất số 435/2, tờ bản đồ số 6, diện tích 153m^2, mục đích sử dụng đất mạ; thửa đất số 891/1, tờ bản đồ số 7, diện tích 272m^2, mục đích sử dụng đất mạ; địa điểm các thửa đất: khối P, phường Điện A, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Đối với các thửa đất số 446, tờ bản đồ số 10, diện tích 434m^2, mục đích sử dụng đất màu thì các nguyên đơn không yêu cầu chia.

Đối với thửa đất số 435/2, tờ bản đồ số 6, diện tích 153m^2, mục đích sử dụng đất mạ đã bị Nhà nước thu hồi để thực hiện dự án, ông Phan Xuân E đã nhận tiền đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng nên bà yêu cầu Tòa án chia đều số tiền cho các nguyên đơn và buộc ông Phan Xuân E thối trả tiền lại cho bà theo quy định của pháp luật.

Trên các thửa đất này, trước đây bà Phan Thị X sử dụng thửa 891/1 để trồng lúa, ông Lê Đình P sử dụng thửa 435/2 để trồng lúa, các thửa còn lại bà Phan Thị T sử dụng để trồng lúa. Tuy nhiên, sau khi bà C khởi kiện thì nghe nói bà T không làm lúa nữa. Hiện tại trên các thửa đất này đã gặt xong và không có tài sản gì khác. Vì vậy, các nguyên đơn chỉ yêu cầu giải quyết chia phần đất, còn tài sản trên đất không có nên không yêu cầu gì.

Ngoài ra bà C không có ý kiến và trình bày gì thêm.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 05/6/2018 và tại phiên tòa, bị đơn, ông Phan Xuân E trình bày:

Trước đây, con trai ông là Phan Xuân T1 và cô Hà Thị C là vợ chồng. Đến cuối năm 2017, anh Trường và cô C ly hôn theo Quyết định của Tòa án. Khi cô C về làm dâu nhà ông thì vợ chồng cô C sống chung và nhập khẩu về gia đình ông từ năm 1991 đến nay.

Năm 1990, Nhà nước có chủ trương cấp đất cho dân để canh tác. Lúc đó, HTX NN 3 Điện A chủ trương đo đất và cấp đất cho dân. Cán bộ HTX nói là cấp cho những người có tên trong hộ khẩu hiện tại, sau này ai chết đi cũng còn quyền lợi và người mới nhập vào cũng không được cấp thêm vì không còn đất để cấp. Đến năm 1991, cô C mới về sống với gia đình ông và sinh 2 cháu Phan Xuân C2 và Phan Hà Thanh H nên không có quyền lợi trong phần đất này. Thời điểm này ông đã lớn tuổi, con trai ông là Trường đi bộ đội ở xa, cô C không có việc làm nên ông giao đất nông nghiệp của mình cho cô C làm để lấy lúa ăn. Cô C canh tác đất này từ thời điểm đó đến nay nhưng lại không trả tiền trổ nước nhiều năm cho HTX để HTX yêu cầu ông phải trả đến nay vẫn chưa xong. Sau khi vợ chồng cô C ly hôn, ông đã lấy đất lại và cho người khác làm như trình bày của cô C. Riêng thửa đất số 435/2 đã bị thu hồi. Hiện tại vụ mùa đã thu hoạch xong nên không có tài sản gì trên đất tranh chấp.

Đến năm 1998, UBND huyện Điện Bàn (nay là thị xã) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ Phan L trong đó có các thửa sô 21, tờ bản đồ số 3 có diện tích 465m^2 ; thửa số 30, tờ bản đồ số 3 có diện tích 252m^2, thửa số 110/2, tờ bản đồ số 3 có diện tích 404m^2, thửa số 25, tờ bản đồ số 3 có diện tích 701m^2, thửa số 23/2, tờ bản đồ số 3 có diện tích 700m^2, thửa số 435/2, tờ bản đồ số 3 có diện tích 153m^2, thửa số 891/1, tờ bản đồ số 3 có diện tích 272m^2. Lý do cấp cho hộ Phan L là vì thời điểm chiến tranh, ông tham gia cách mạng sợ địch bắt nên mới tự đặt tên khác để tránh nhưng thực chất Phan L và Phan Xuân E là một người.

Phần đất nông nghiệp này được cấp cho hộ gia đình ông nhưng được cấp trước khi cô C về làm dâu nên cô C và hai cháu C2 và H không được nhà nước cấp phần đất này. Vì vậy, cô C, anh C2 và anh H yêu cầu chia tài sản này làm 5 phần trong đó có phần của cô C, anh C2 và anh H thì ông không đồng ý vì những người này không có quyền lợi đối với phần đất này.

Ngoài ra, ông E không trình bày gì thêm.

Tại bản tự khai ngày 26/7/2018 và những lần trình bày tiếp theo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Phan Thị C1 trình bày:

Bà là con gái ông Phan Xuân E và sống cùng cha mẹ tại thôn P, xã Điện A từ nhỏ. Đến năm 1994 thì lập gia đình và theo chồng về sống tại Điện Minh. Khoảng vài năm sau, bà cắt khẩu chuyển về Điện Minh theo chồng.

Khi Nhà nước có chủ trương giao đất nông nghiệp cho dân canh tác thì bà cũng thuộc diện được cấp đất trong hộ Phan Xuân E nhưng do bà đã có chồng nên không sử dụng mà để cho cha ruột là ông Phan Xuân E sử dụng, canh tác.

Nay bà Hà Thị C, ông Phan Xuân C2 và ông Phan Hà Thanh H khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung trong thời gian chung sống cùng gia đình bà thì bà yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Nếu bà được chia một phần tài sản trong phần tài sản chung này thì bà nhận và cho cha bà là ông Phan Xuân E được quyền quản lý, sử dụng.

Ngoài ra bà không có ý kiến và trình bày gì thêm.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 21/8/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Đình P trình bày:

Trước đây, ông và bà Hà Thị C có ruộng ở gần nhau. Đến khoảng năm 2016, bà C không làm ruộng nữa nên cho ông thuê đất tại thửa số 435/2, tờ bản đồ số 6 có diện tích 153m^2 để làm lúa. Ông đã trả cho cô C số tiền 100.000đ để trả tiền thủy nông. Trên phần đất này hiện nay có lúa ông trồng và canh tác nên ông P yêu cầu được sử dụng đất đến hết mùa và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 23/8/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị X trình bày:

Bà là con gái ông Phan Xuân E. Vào khoảng năm 1990, cha bà được Nhà nước cấp đất nông nghiệp để canh tác. Do lúc đó bà còn khó khăn nên cha bà cho bà sử dụng thửa đất số 891/1, tờ bản đồ số 7 có diện tích 272m^2 để làm lúa. Bà là người trực tiếp trả sản lượng cho HTX và thu hoạch lúa chứ không trả tiền hay lúa cho ông E cũng như bà C. Trên phần đất này hiện nay có lúa bà canh tác nên bà yêu cầu được sử dụng đất đến hết mùa và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 23/8/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị T trình bày:

Bà là con gái ông Phan Xuân E. Vào khoảng năm 2010, cha bà là ông Phan Xuân E có cho bà sử dụng thửa đất số 110/2, tờ bản đồ số 3 có diện tích 404m^2 để làm lúa. Bà là người trực tiếp trả sản lượng cho HTX và thu hoạch lúa chứ không trả tiền hay lúa cho ông E cũng như bà C. Trên phần đất này hiện nay có lúa bà canh tác nên bà yêu cầu được sử dụng đất đến hết mùa và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện VKSND thị xã Điện Bàn phát biểu quan điểm giải quyết vụ án.

Quá trình Toà án cấp sơ thẩm đã thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của BLTTDS. Các đương sự chấp hành tốt quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án Viện kiểm sát đề nghị: đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia đất tại các thửa: thửa số 21, tờ bản đồ số 3 có diện tích 465m^2 mục đích sử dụng: đất lúa và thửa số 435/2, tờ bản đồ số 3 có diện tích 153m^2 mục đích sử dụng: đất mạ do nguyên đơn rút yêu cầu. Đề nghị : Giao cho ông Phan Xuân E (Phan L) được quyền quản lý, sử dụng các thửa đất: thửa số 23/2, tờ bản đồ số 3 có diện tích 700m^2 mục đích sử dụng: đất lúa và thửa đất số 891/1, tờ bản đồ số 3 có diện tích 271m^2 mục đích sử dụng: đất mạ. Giao cho bà Hà Thị C, ông

Phan Xuân C2 và ông Phan Hà Thanh H đồng quản lý, sử dụng các thửa đất: thửa số 30, tờ bản đồ số 3 có diện tích 252m^2 mục đích sử dụng: đất lúa, thửa số 110/2, tờ bản đồ số 3 có diện tích 404m^2 mục đích sử dụng: đất lúa và thửa số 25, tờ bản đồ số 3 có diện tích 701m^2 mục đích sử dụng: đất lúa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về yêu cầu chia tài sản thuộc sở hữu chung giữa đồng nguyên đơn bà Hà Thị C, ông Phan Xuân C2, Phan Hà Thanh H và bị đơn ông Phan Xuân E. Bị đơn có HKTT tại địa chỉ: khối P, phường Điện A, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn theo quy định tại khoản 14 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia tài sản là thửa đất số 21, tờ bản đồ số 3, có diện tích 465m^2; mục đích sử dụng: đất trồng lúa và thửa đất số 435/2, tờ bản đồ số 3, có diện tích 153m^2 mục đích sử dụng: đất mạ ở khối P, phường Điện A. Xét thấy, ý kiến của nguyên đơn và là đại diện cho các nguyên đơn khác (Phan Xuân C2 và Phan Hà Thanh H) hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên HĐXX áp dụng Điều 244 BLTTDS chấp nhận để đình chỉ đối với yêu cầu trên.

[2] Về nội dung vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự đều thừa nhận các thửa đất nông nghiệp được cấp cho hộ Phan Xuân E gồm những người có tên trong Sổ hộ khẩu gia đình vào thời điểm giao đất. Tuy nhiên, nguyên đơn cho rằng thời điểm Nhà nước giao đất cho hộ gia đình sau năm 1993 (lúc này bà C, ông C2 và ông H đã nhập khẩu vào hộ Phan Xuân E) còn bị đơn cho rằng đất nông nghiệp được giao trước năm 1990 nên không có phần của các nguyên đơn.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương cũng như văn bản trả lời của UBND phường Điện A thì chính quyền địa phương thực hiện Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ về việc giao đất lâu dài cho nhân dân ổn định sản xuất vào năm 1996 và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhân dân trong xã Điện A (nay là phường Điện A) vào năm 1998. Trong đó, đối với HTX3 Điện A có khối phố P được chia theo nhân khẩu, mỗi khẩu được chia bình quân 500m^2 cả đất lúa và đất màu; số nhân khẩu được xác định chia đất có tên trong sổ hộ khẩu.

Hộ Phan Xuân E (Phan L) đã được UBND huyện Điện Bàn (nay là thị xã) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L718742 ngày 20/5/1998 đối với các thửa đất nông nghiệp sau: thửa đất số 21, tờ bản đồ số 3, có diện tích 465m^2, mục đích sử dụng đất lúa; thửa đất số 30, tờ bản đồ số 3, diện tích 252m^2, mục đích sử dụng đất lúa; thửa đất số 110/2, tờ bản đồ số 3, diện tích 404m^2, mục đích sử dụng đất lúa; thửa đất số 25, tờ bản đồ số 2, diện tích 701m^2, mục đích sử dụng đất lúa; thửa đất số 23/2, tờ

bản đồ số 2, diện tích 700m^2, mục đích sử dụng đất lúa; thửa đất số 435/2, tờ bản đồ số 6, diện tích 153m^2, mục đích sử dụng đất mạ; thửa đất số 891/1, tờ bản đồ số 7, diện tích 272m^2, mục đích sử dụng đất mạ; thửa đất số 446, tờ bản đồ số 10, diện tích 434m^2; mục đích sử dụng đất màu.

Theo cung cấp của Công an thị xã Điện Bàn thì vào thời điểm Nhà nước giao đất nông nghiệp (năm 1996), hộ Phan Xuân E có 05 nhân khẩu gồm: Phan Xuân E, Phan Thị C1, Hà Thị C, Phan Xuân C2 và Phan Hà Thanh H.

Như vậy, có căn cứ xác định vào thời điểm giao đất nông nghiệp lâu dài cho nhân dân ổn định sản xuất thì chính quyền địa phương căn cứ vào số nhân khẩu có trong hộ Phan Xuân E gồm Phan Xuân E, Phan Thị C1, Hà Thị C, Phan Xuân C2 và Phan Hà Thanh H để chia đất nông nghiệp. Do đó, những người có tên trong sổ hộ khẩu gia đình vào thời điểm Nhà nước giao đất có quyền sử dụng đất chung nên yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị C, ông Phan Xuân C2 và Phan Hà Thanh H là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với quy định tại Khoản 29 Điều 3 Luật đất đai và Điều 219 BLDS.

[3] Các nguyên đơn yêu cầu chia tài sản chung của hộ gia đình gồm: thửa đất số 30, tờ bản đồ số 3, diện tích 252m^2, mục đích sử dụng đất lúa; thửa đất số 110/2, tờ bản đồ số 3, diện tích 404m^2, mục đích sử dụng đất lúa; thửa đất số 25, tờ bản đồ số 2, diện tích 701m^2, mục đích sử dụng đất lúa; thửa đất số 23/2, tờ bản đồ số 2, diện tích 700m^2, mục đích sử dụng đất lúa; thửa đất số 891/1, tờ bản đồ số 7, diện tích 272m^2, mục đích sử dụng đất mạ. Tổng diện tích các nguyên đơn yêu cầu là 2.332m^2.

Bị đơn ông Phan Xuân E đề nghị chia đều diện tích các thửa đất cho các thành viên trong hộ. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Phan Thị C1 đề nghị nhận và giao phần mà mình được chia cho cha bà là ông Phan Xuân E trọn quyền quản lý, sử dụng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn đồng thời là đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn khác là bà Hà Thị C và bị đơn ông Phan Xuân E thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án như sau:

- Bà Hà Thị C, ông Phan Xuân C2 và ông Phan Hà Thanh H được giao quyền đồng quản lý, sử dụng các thửa đất: thửa đất số 30, tờ bản đồ số 3 có diện tích 252m^2 mục đích sử dụng: đất lúa; thửa đất số 110/2, tờ bản đồ số 3 có diện tích 404m^2 mục đích sử dụng: đất lúa và thửa đất số 25, tờ bản đồ số 3 có diện tích 701m^2 mục đích sử dụng: đất lúa.

- Ông Phan Xuân E và bà Phan Thị C1 được giao quyền quản lý, sử dụng các thửa đất: thửa đất số 23/2, tờ bản đồ số 3 có diện tích 700m^2 mục đích sử dụng đất lúa và thửa đất số 891/1, tờ bản đồ số 3 có diện tích 271m^2 mục đích sử dụng: đất mạ.

Do bà Phan Thị C1 giao hẳn phần mình được chia cho ông E nên ông E được toàn quyền sử dụng, quản lý các thửa đất số 23/2 và thửa đất số 891/1.

[4] HĐXX xét thấy: Việc thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa là hoàn

toàn tự nguyện, nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên HĐXX căn cứ Điều 246 BLTTDS, công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự. Giao cho ông Phan Xuân E (Phan L) được quyền quản lý, sử dụng các thửa đất: thửa đất số 23/2, tờ bản đồ số 3 có diện tích 700m^2 mục đích sử dụng: đất lúa và thửa đất số 891/1, tờ bản đồ số 3 có diện tích 272m^2 mục đích sử dụng: đất mạ. Giao cho bà Hà Thị C, ông Phan Xuân C2 và ông Phan Hà Thanh H đồng quản lý, sử dụng các thửa đất: thửa đất số 30, tờ bản đồ số 3 có diện tích 252m^2 mục đích sử dụng: đất lúa, thửa đất số 110/2, tờ bản đồ số 3 có diện tích 404m^2 mục đích sử dụng:đất lúa và thửa đất số 25, tờ bản đồ số 3 có diện tích 701m^2 mục đích sử dụng: đất lúa là phù hợp. Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và gia hạn thời gian sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[5] Đối với phần tài sản có trên các thửa đất tranh chấp: Qua xem xét, thẩm định tại chổ và định giá tài sản thì trên các thửa đất đang tranh chấp không có tài sản gì nên không xem xét xử lý.

[6] Về án phí: Bà Hà Thị C, ông Phan Xuân C2, ông Phan Hà Thanh H và ông Phan Xuân E phải chịu án phí chia tài sản theo quy định của pháp luật. Do ông Phan Xuân E thuộc trường hợp được miễn án phí và có yêu cầu được miễn án phí nên HĐXX chấp nhận miễn án phí cho ông E.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng: Điều 26; 35; 39; 244; 246 BLTTDS; Điều 208; 212; 219 BLDS; Điều 3 LĐĐ; Luật phí và lệ phí, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị C, ông Phan Xuân C2 và ông Phan Hà Thanh H về yêu cầu "Chia tài sản thuộc sở hữu chung"

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản tại các thửa đất số 21, tờ bản đồ số 3, có diện tích 465m^2 mục đích sử dụng: đất trồng lúa và thửa đất số 435/2, tờ bản đồ số 3, có diện tích 153m^2 mục đích sử dụng: đất mạ ở khối P, phường Điện A, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

2. Giao cho ông Phan Xuân E được quyền quản lý, sử dụng các thửa đất số 23/2, tờ bản đồ số 2, diện tích 700m^2, mục đích sử dụng đất lúa và thửa đất số 891/1, tờ bản đồ số 7, diện tích 272m^2, mục đích sử dụng đất mạ; địa điểm các thửa đất: khối P, phường Điện A, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

3. Giao cho bà Hà Thị C, ông Phan Xuân C2 và ông Phan Hà Thanh H được quyền đồng quản lý, sử dụng các thửa đất số 30, tờ bản đồ số 3, diện tích 252m^2, mục đích sử dụng: đất lúa; thửa đất số 110/2, tờ bản đồ số 3, diện tích 404m^2, mục đích sử dụng: đất lúa và thửa đất số 25, tờ bản đồ số 2, diện tích 701m^2, mục đích sử dụng: đất lúa; địa điểm các thửa đất: khối P, phường Điện A, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

3. Về án phí: Bà Hà Thị C phải chịu 1.031.000đ tiền án phí chia tài sản nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 707.000đ tại Biên lai thu số 0009045 ngày 15/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn. Bà Hà Thị C còn phải nộp số tiền 324.000đ tiền án phí.

Ông Phan Xuân C2 phải chịu 1.031.000đ tiền án phí chia tài sản nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 707.000đ tại Biên lai thu số 0009046 ngày 15/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn. Ông Phan Xuân C2 còn phải nộp số tiền 324.000đ tiền án phí.

Ông Phan Hà Thanh H phải chịu 1.031.000đ tiền án phí chia tài sản nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 707.000đ tại Biên lai thu số 0009044 ngày 15/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn. Ông Phan Hà Thanh H còn phải nộp số tiền 324.000đ tiền án phí.

Ông Phan Xuân E được miễn án phí chia tài sản.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thị xã Điện Bàn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã Điện Bàn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuân